

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN THANH TRỊ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 24-3-2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Dá.

- Ông Nguyễn Thành Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXX-DS ngày 03 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn D, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Đặng Văn D cưới nhau năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân ông D không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, bà và ông D không còn chung sống đến nay đã ba năm. Bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một người con chung tên Đặng Ngọc H, sinh ngày 11/12/2016, con đang do bà M nuôi dưỡng. Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không có, nợ chung không có.

Bị đơn ông Đặng Văn D không có văn bản cung cấp lời khai:

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Đặng Văn D lần thứ hai nhưng D đều vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Đặng Văn D tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng qua lời trình bày của nguyên đơn cũng như qua kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống bà M và ông D thực tế có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau. Từ khi bà M yêu cầu ly hôn cho đến nay ông D không đến để hòa giải, cũng không có văn bản phản đối việc ly hôn. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đến nay vẫn không giải quyết được, nếu kéo dài là không thể mang lại hạnh phúc, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà M được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà M và ông D có một người con chung, hiện con đang do bà M nuôi dưỡng, ông D không có ý kiến gì về việc bà M yêu cầu nuôi con, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao con cho bà M được quyền nuôi dưỡng. Theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng do bà M không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nợ chung, về tài sản chung, bị đơn không có văn bản tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị M là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị M được ly hôn với ông Đặng Văn D.

Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 11/12/2016 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Đặng Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0008235 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà M đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trịnh Thị Bích Phượng